

Bản án số: 19/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 21-9-2017

V/v tranh chấp ly hôn, tranh
chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Vinh
2. Ông Trần Văn Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An tham gia phiên tòa:

Bà **Trần Thị Hồng Vân** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/8/2017 và **Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2017/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2017, giữa các đương sự:**

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 104 Quán N phường K, quận L, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Khổng Gia L, sinh năm 1984;** địa chỉ: Số 3B21, Khu Đ5, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 7 năm 2017 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày:

Chị H và anh Khổng Gia L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận H, thành phố Hải Phòng vào ngày 12/6/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân, do anh chị không hợp nhau về tính cách, lối sống, cách suy nghĩ cũng như trong sinh hoạt hàng ngày. Mặt khác, trong cuộc sống chung vợ chồng anh L không quan tâm đến vợ con hay tụ tập bạn bè bên ngoài. Chị H đã nhiều lần khuyên bảo để anh L thay đổi nhưng đều không nghe. Cũng vì bất đồng quan điểm nên nhiều lần vợ chồng to tiếng cãi nhau làm ảnh hưởng đến xóm phố. Điều này, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Do đó, từ tháng 12/2014 đến nay anh chị đã sống ly thân và ngày càng không quan tâm đến nhau. Trong thời gian ly thân, anh chị đã đến Tòa án để yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nhưng được Tòa án hòa giải nên rút đơn về. Tuy nhiên, sau khi rút đơn về, mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng hơn. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng đều không kết quả. **Nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên chị có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L để sớm ổn định cuộc sống.**

2. Về con: Chị H và anh L có 01 con chung là Khổng Minh A, sinh ngày 18/12/2008. **Ly hôn chị H yêu cầu giao con chung cho bố là Khổng Gia L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.** Vì hiện nay chị không có việc làm, nơi ở không ổn định, kinh tế khó khăn không đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con. Mặt khác, hiện nay con chung đang học và sống ổn định với anh L và bà nội. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Trong bản tự khai, chị H trình bày, chị tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh L là 1.000.000đồng/tháng, tính từ ngày Tòa tuyên án đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa, chị H tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 1.500.000đồng/1 tháng, tính từ ngày Tòa tuyên án đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung: Chị H và anh L không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Khổng Gia L đến Tòa án để làm việc nhưng anh đều vắng mặt. Mọi văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến quá trình giải quyết vụ án đều được tổng đạt hợp lệ, anh L không có ý kiến gì.

Tại Biên bản xác minh lập tại gia đình anh L, thể hiện, về quan hệ hôn nhân: Cuộc sống chung vợ chồng anh L và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, không có hạnh phúc, đến nay vợ chồng anh chị đã ly thân được ba năm. Về con chung: Nên giao cho anh L nuôi dưỡng; về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên có ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, đúng quy định của pháp luật. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có lý do, vi phạm quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, anh Không Gia L vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn của vợ chồng chị H, anh L đã trầm trọng và kéo dài. Từ năm 2014 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, trách nhiệm với nhau. Trên thực tế quan hệ hôn nhân của chị H và anh L đã không còn tồn tại, không đạt được mục đích của hôn nhân. Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh L. Đối với anh L, trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh L đều vắng mặt mặc dù đã được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ. Điều này, thể hiện anh L không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân của vợ chồng. Như vậy, việc chị H yêu cầu xin ly hôn với anh L là có căn cứ, đúng thực tế tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H.

[3] Về con chung: Xét hiện nay chị H không có nơi ở và không có việc làm ổn định, kinh tế khó khăn, không đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, hiện nay con chung đang học, sống ổn định với anh L và bà nội, nên điều kiện chăm con tốt hơn chị H. Do đó, yêu cầu giao con chung cho anh L nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh sống hiện tại và nguyện vọng của con chung. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H về việc giao con chung Không Minh Anh, sinh ngày 18/12/2008 cho anh L nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Xét hiện nay chị H không có công việc ổn định, kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện đóng góp tiền

cấp dưỡng nuôi con chung của chị H là 1.500.000đồng/01 tháng từ ngày tuyên án đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Chị H và anh L không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu áp phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình,

Áp dụng Điều 35, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Khổng Gia L.
2. Về con chung: Giao con chung Khổng Minh A, sinh ngày 18/12/2008 cho anh Khổng Gia L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H về đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh L là 1.500.000đồng/01 tháng kể từ ngày tuyên án đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 357, Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị H phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đồng tiền án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Chị H đã nộp được 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo Biên lai thu số 0006553, ngày 26 tháng 7 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Hải Phòng. Chị H còn phải nộp thêm 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật tại Chi cục thi hành án Dân sự quận H, thành phố Hải Phòng.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh L có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt Bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THA Dân sự quận H;
- **UBND phường P,**
- quận H, thành phố Hải Phòng;**
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký, đóng dấu)**

Nguyễn Văn Mạnh